

# BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH Y KHOA

|                                            | Ngày đánh giá                                                                                                                                                     |                             |                                                                   |                     |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                            | Đơn vị:                                                                                                                                                           |                             |                                                                   |                     |
|                                            | Đoàn đánh giá                                                                                                                                                     |                             |                                                                   |                     |
|                                            |                                                                                                                                                                   |                             |                                                                   |                     |
| STT                                        | NỘI DUNG                                                                                                                                                          | HƯỚNG DẪN                   |                                                                   | Điểm<br>đánh<br>giá |
|                                            |                                                                                                                                                                   | Điểm<br>chuẩn               | Căn cứ/bảng chứng đánh<br>giá                                     |                     |
| I. Cơ sở vật chất trang thiết bị, nhân lực |                                                                                                                                                                   | 36                          |                                                                   |                     |
| 1                                          | Trụ sở<br><br>- Độc lập<br><br>- Chung với đơn vị khác                                                                                                            | 2<br><br>1                  | <i>Áp dụng với các đơn vị<br/>không trực thuộc BV đa<br/>khoa</i> |                     |
| 2                                          | Phòng làm việc cho cán bộ viên chức theo nhu<br>cầu đơn vị<br><br>- Có đủ<br><br>- Chưa đủ                                                                        | 1<br><br>0.5                |                                                                   |                     |
| 3                                          | Đơn vị bố trí vị trí để triển khai khám giám<br>định đáp ứng nhu cầu của đơn vị (theo đề án vị<br>trí việc làm đã được phê duyệt)<br><br>- Có đủ<br><br>- Chưa đủ | 2<br><br>0,5                |                                                                   |                     |
| 4                                          | Bộ phận văn thư<br><br>'Có phòng riêng<br><br>- Chưa tách riêng<br><br>- Không có                                                                                 | 1<br><br>0.5<br><br>0       | <i>Áp dụng với các đơn vị<br/>không trực thuộc BV đa<br/>khoa</i> |                     |
| 5                                          | Kho lưu trữ hồ sơ<br><br>- Có phòng đủ điều kiện lưu trữ theo quy định<br>hiện hành<br><br>- Có phòng nhưng chưa đủ điều kiện lưu trữ theo<br>quy định hiện hành  | <br><br><b>2</b><br><br>0.5 |                                                                   |                     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               |                                                           |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|--|
|    | - Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0                             |                                                           |  |
| 6  | <b>Phòng họp Hội đồng</b><br><br>- Có đủ trang thiết bị thiết yếu (bàn ghế, máy tính, màn chiếu, đèn đọc phim) ( có biển tên chức danh thành viên hội đồng và đối tượng giám định)<br><br>- Chưa đủ trang thiết bị thiết yếu (bàn ghế, máy tính, màn chiếu, đèn đọc phim) ( có biển tên chức danh thành viên hội đồng và đối tượng giám định)<br><br>- Không có | 2<br><br><br>0.5<br><br><br>0 |                                                           |  |
| 7  | <b>Nơi đón tiếp ngồi chờ của đối tượng giám định</b><br><br>- Có đủ chỗ cho đối tượng<br>- Chưa đủ chỗ<br>- Không có                                                                                                                                                                                                                                            | 1<br>0.5<br>0                 |                                                           |  |
| 8  | <b>Phòng tiếp dân , nội quy tiếp dân , lịch khám giám định và nội dung hướng dẫn về thủ tục hành chính, giấy tờ khám giám định</b><br><br>- Có đủ<br>- Chưa đủ<br>- Không có                                                                                                                                                                                    | 1<br>0.5<br>0                 |                                                           |  |
| 9  | <b>Môi trường cảnh quan: Phân loại, xử lý rác thải, có nhà vệ sinh dành cho nhân viên và đối tượng. Công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.</b><br><br>- Có đủ<br>- Chưa đủ<br>- Không có                                                                                                                                                       | <b>2</b><br>0.5<br>0          |                                                           |  |
| 10 | <b>Thiết bị y tế</b><br><br>- Có đủ<br>- Chưa đủ<br>- Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1<br>0.5<br>0                 | <i>Áp dụng với các đơn vị không trực thuộc BV đa khoa</i> |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 11 | <b>Các thiết bị máy móc y tế được bảo dưỡng, chuẩn hóa định kỳ, có lý lịch máy và phân công nhân viên sử dụng, quản lý</b><br><br>- Thực hiện đủ<br><br>- Thực hiện chưa đủ<br><br>- Không thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1<br><br>0.5<br><br>0               | <i>Áp dụng với các đơn vị không trực thuộc BV đa khoa</i><br><i>- Lý lịch máy</i><br><i>- Quy trình vận hành máy</i><br><i>- Sổ theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng máy</i><br><i>- Phiếu kiểm định chất lượng (tùy máy)</i><br><i>- Thực tế hiểu biết và vận hành máy của nhân viên</i> |  |
| 12 | <b>Thiết bị văn phòng đáp ứng cơ bản nhu cầu của đơn vị</b><br><br>- Có đủ<br><br>- Chưa đủ<br><br>- Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1<br><br>0.5<br><br>0               |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 13 | <b>Đủ cơ cấu, số lượng lãnh đạo cơ quan thường trực hội đồng GDYK</b><br><br>- Đủ<br><br>- Chưa đủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2<br><br>0.5                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 14 | <b>Số lượng người làm việc tối thiểu và cơ cấu tổ chức theo chức danh nghề nghiệp</b><br><br><i>- Đủ số lượng người làm việc tối thiểu và cơ cấu tổ chức theo chức danh nghề nghiệp</i><br><br><i>- Chưa đủ nhưng đảm bảo số lượng tối thiểu thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế</i><br><br><i>- Đủ số lượng người làm việc tối thiểu nhưng chưa đảm bảo số lượng tối thiểu thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế</i><br><br><i>- Chưa đủ</i> | <b>3</b><br><br>2<br><br>1<br><br>0 | <i>Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BYT</i>                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 15 | <b>Tỷ lệ bác sỹ thụ lý hồ sơ của đơn vị có chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ GDYK</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                     |                           |                                                                                                                                                                |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>· <math>\geq 90 \%</math></li> <li>· 70 đến <math>&lt; 90 \%</math></li> <li>· 50 đến <math>&lt; 70 \%</math></li> <li>· <math>&lt; 50 \%</math></li> <li>· 0%</li> </ul>    | 2<br>1.5<br>1<br>0.5<br>0 | <b>Chứng chỉ trong vòng 5 năm</b><br>kể từ ngày ký đến thời điểm<br>kiểm tra hoặc tham gia các hội<br>nghị, hội thảo, tập huấn do<br>cấp có thẩm quyền tổ chức |  |
| 16 | <b>Cơ cấu, số lượng thành viên của Hội đồng</b><br><br>- Đủ và đúng quy định<br><br>- Đủ nhưng chưa đúng quy định<br><br>- Chưa đủ                                                                                  | 3<br><br>1<br><br>0       | <b>Thông tư số 01/2023/TT-BYT</b>                                                                                                                              |  |
| 17 | <b>Tỷ lệ thành viên của Hội đồng có chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ GDYK theo quy định</b><br><br>- $\geq 80 \%$<br>- 60 đến $< 80 \%$<br>- 40 đến $< 60 \%$<br>- $< 40 \%$<br>- 0%         | 2<br>1.5<br>1<br>0.5<br>0 | <b>Chứng chỉ trong vòng 5 năm</b><br>kể từ ngày ký đến thời điểm<br>kiểm tra hoặc tham gia các hội<br>nghị, hội thảo, tập huấn do<br>cấp có thẩm quyền tổ chức |  |
| 18 | <b>Đủ giám định viên các chuyên khoa theo quy định</b><br><br>- Đủ<br><br>- Chưa đủ                                                                                                                                 | 2<br><br>0.5              | <b>Thông tư số 01/2023/TT-BYT</b>                                                                                                                              |  |
| 19 | <b>Tỷ lệ giám định viên có chứng nhận đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ GDYK sau khi được bổ nhiệm theo quy định</b><br><br>- $\geq 90 \%$<br>- 70 đến $< 90 \%$<br>- 50 đến $< 70 \%$<br>- $< 50 \%$<br>- 0% | 2<br>1.5<br>1<br>0.5<br>0 |                                                                                                                                                                |  |

|                                      |                                                                                                                                                                                                                   |                       |                                                                                                                                                  |  |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 20                                   | <b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý</b><br><br>Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám giám định<br><br>Chưa Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý<br><br>Không có | 2<br><br>1<br><br>0   | - Xem xét phần mềm sử dụng                                                                                                                       |  |
| 21                                   | <b>Trong giờ làm việc cán bộ viên chức mang trang phục làm việc và thể viên chức đúng quy định</b><br><br>- Đạt<br><br>- Chưa đạt<br><br>- Không đạt                                                              | 1<br><br>0.5<br><br>0 | Quan sát đồng phục của CBVC: Sạch, đẹp, lịch sự                                                                                                  |  |
| <b>II. Chuyên môn nghiệp vụ GDYK</b> |                                                                                                                                                                                                                   | 46                    |                                                                                                                                                  |  |
| 23                                   | Thực hiện đúng nguyên tắc làm việc của phiên họp kết luận của Hội đồng và Thực hiện đúng quy định về thành phần tham dự phiên họp kết luận<br>- Đúng quy định<br><br>- Không đúng quy định                        | 3<br><br>0            | Điều 18, 19 Thông tư số 01/2023/TT-BYT                                                                                                           |  |
| 24                                   | <b>Quy trình nội bộ thực hiện công tác khám giám định do đơn vị ban hành</b><br><br>- Có<br><br>- Không                                                                                                           | 2<br><br>0            | Ví dụ: Quy trình tiếp nhận, rà soát hồ sơ; khám giám định; khám chuyên khoa; quản lý phí thẩm định cấp giấy GDYK; lưu trữ hồ sơ, mã hóa HbA1c... |  |
| 25                                   | <b>Có kế hoạch giám định cho các loại đối tượng tháng, quý, năm</b><br><br>- Có đủ                                                                                                                                | 2                     | Báo cáo tháng/ quý/năm và văn bản liên quan khác                                                                                                 |  |

|    |                                                                                                                                                                                        |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | - Chưa đủ                                                                                                                                                                              | 1                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|    | - Không có                                                                                                                                                                             | 0                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 26 | <b>Hồ sơ khám giám định y khoa (không bao gồm mẫu sổ sách) theo mẫu quy định</b><br><br>- Đúng quy định<br><br>'- Đủ thông tin nhưng không đúng quy định<br><br>'- Không đúng quy định | <br><br>2<br><br>0,5<br><br>0 | <i>Quyết định số 1003/QĐ-BYT ngày...</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 27 | <b>Biên bản họp, Biên bản giám định y khoa theo mẫu quy định</b><br><br>Đúng quy định<br><br>Không đúng quy định                                                                       | <br><br>2<br><br>0            | <i>Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</i><br><br><i>Thông tư số 01/2023/TT-BYT</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 28 | Kết quả kiểm tra 05 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng thương binh: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                 | 3                             | <u><b>Lưu ý:</b></u><br>1) Bốc thăm ngẫu nhiên Hồ sơ trong vòng 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra<br>- Trường hợp không đủ 05 hồ sơ do không đủ đối tượng khám giám định thì có thể bốc thăm ngẫu nhiên HS của nhóm đối tượng giám định khác (Ví dụ: số hồ sơ Thương binh không đủ 5 có thể bốc thăm bất kỳ HS giám định khác như CDHH, Tuất, khuyết tật, TNLD, hưu trước tuổi... ) để đủ 5 HS. |  |
| 29 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK bệnh tật của đối tượng CDHH: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                            | 3                             | 2) Hồ sơ đạt phải đủ các nội dung theo quy định tại Phụ lục 1. Quy định về trình tự giám định y khoa (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)                                                                                                                                                                                                         |  |
| 30 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng khám tuất của người có công: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                  | 3                             | 1. Xác định đúng đối tượng giám định y khoa (theo Y/c của CQ, TC, xã, phường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
| 31 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng khuyết tật: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                   | 3                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                    |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 32 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng Tai nạn lao động: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                                                         | 3                                | <i>cu nam)</i><br>2. Có bằng chứng thực hiện Kiểm tra đối chiếu đối tượng và CMT/CCCD...<br>3. Có Khám tổng quát<br>4. Có Khám GĐV chuyên khoa<br>5. Có tổ chức Hội chẩn chuyên môn<br>6. Tổ chức Họp Hội đồng giám định y khoa theo đúng quy định Điều 20, TT số 01/2023/TT-BYT.<br>7. Ban hành Biên bản giám định y khoa (có đủ căn cứ về chuyên môn để kết luận tại Biên bản GĐYK? Thực hiện trả kết quả? giao nhận BB GĐYK, thời gian trả BB đúng thời gian quy định?) Nếu chưa đúng thời gian có thông báo, giải trình cho các bên liên quan? |  |
| 33 | Kết quả kiểm tra 10 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng Bệnh nghề nghiệp: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,3 điểm</i>                                                                                                                        | 3                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 34 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng hưu trước tuổi: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                                                           | 3                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 35 | Kết quả kiểm tra 10 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng khác thuộc người lao động tham gia bảo hiểm xã hội: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,3 điểm</i>                                                                                      | 3                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 36 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng sinh con thứ 3: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                                                           | 3                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 37 | Kết quả kiểm tra 5 Hồ sơ, bệnh án GĐYK đối tượng khác: <i>Mỗi hồ sơ đạt được tính 0,6 điểm</i>                                                                                                                                     | 3                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 38 | <b>Khám sức khỏe định kỳ, lái xe...</b><br><br>- Có triển khai<br><br>- Không                                                                                                                                                      | 1<br><br>0                       | <i>Mẫu giấy khám sức khỏe theo quy định hiện hành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 39 | <b>Ban hành biên bản GĐYK cho đối tượng đúng thời hạn theo quy định (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra):</b><br><br>· 100% phiên khám<br>· 80 đến <100% phiên khám<br>· 50 đến < 80% phiên khám<br>· < 50% phiên khám | 2<br><br>1.5<br><br>1<br><br>0.5 | <i>Sổ sách và ý kiến phản ánh của đối tượng.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                              |             |                                                                                                                   |  |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 40                                  | <b>Sổ sách đủ, đúng theo quy định (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br>- Đúng quy định<br>- Chưa đúng quy định                                                                                                        | 2<br>0      | <i>Kiểm tra các loại sổ ghi chép theo Quyết định số 1003/QĐ-BYT</i>                                               |  |
| <b>III. Thực hiện nhiệm vụ khác</b> |                                                                                                                                                                                                                                              | <b>18</b>   |                                                                                                                   |  |
| 41                                  | <b>Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ GĐYK (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br>- Đạt<br>- Không đạt                                                                                                                    | 2<br>0      | <i>Đạt: Quản lý hồ sơ theo quy định: tra cứu, kiểm tra hồ sơ theo nhóm đối tượng, theo thời gian</i>              |  |
| 42                                  | <b>Công tác văn thư: Quản lý văn bản đến (bao gồm cả hồ sơ đề nghị khám giám định), văn bản đi (bao gồm cả Biên bản GĐYK) theo quy định (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br>- Đầy đủ<br>- Chưa đầy đủ<br>- Không đạt | 2<br>1<br>0 | <i>Nghị định số 30/2021/NĐ-CP về công tác văn thư</i>                                                             |  |
| 43                                  | <b>Thực hiện công tác thống kê, báo cáo (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br>- Đúng quy định<br>- Đúng mẫu quy định nhưng chưa đúng thời hạn<br>- Chưa đúng quy định                                                  | 2<br>1<br>0 | <i>Các báo cáo thường kỳ và đột xuất theo quy định</i>                                                            |  |
| 44                                  | <b>Nghiên cứu khoa học (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br>- Tham gia đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến khoa học và công nghệ cấp Bộ/Tỉnh trở lên đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên                              | 2           | <i>1. Đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến nếu cơ sở GĐYK chủ trì đủ các văn bản sau: Quyết định phê duyệt, Riên</i> |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                       |                                                                                                                                                         |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên</li> <li>- Có báo cáo khoa học đăng trên Bản tin, tạp chí chuyên ngành hoặc đề xuất về KHCN được sử dụng</li> <li>- Không</li> </ul> | 1,5<br><br>1<br><br>0 | <i>Quyết định phê duyệt, Biên bản nghiệm thu</i><br>2. Giấy xác nhận tham gia nếu cơ sở GDYK không chủ trì<br>3. Bản tin, tạp chí chuyên ngành đăng bài |  |
| 45 | <b>Tham gia Hội nghị, hội thảo, tập huấn liên quan đến công tác GDYK (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Có</li> <li>- Không</li> </ul>                                                                                       | <br><br>2<br><br>0    |                                                                                                                                                         |  |
| 46 | <b>Công tác truyền thông ( Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Website hoặc bài viết chuyên môn đăng trên tạp chí</li> <li>- Thông tin truyền thông các hình thức khác</li> <li>- Không</li> </ul>                          | 2<br><br>1<br><br>0   | <i>Bài đăng về GDYK trên tạp chí y học hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác</i>                                                                    |  |
| 47 | <b>Có hòm thư góp ý hoặc sổ ghi ý kiến góp ý, có <b>điện thoại liên hệ</b> (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b><br><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt đủ nội dung trên</li> <li>- Chưa đạt đủ nội dung trên</li> <li>- Không đạt</li> </ul>                      | 1<br><br>0,5<br><br>0 | <i>Quan sát thực tế và qua sổ sách ghi chép ý kiến đóng góp của đối tượng và sổ ghi chép phản ánh qua đường dây nóng, kết quả giải quyết</i>            |  |

|    |                                                                                                                                                                                   |     |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|--|
| 48 | Thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)                                                              |     |  |  |
|    | Không có thanh tra, kiểm tra hoặc có Thanh tra, kiểm tra nhưng kết luận là không có sai phạm.                                                                                     | 3   |  |  |
|    | Có kết luận của thanh tra, kiểm tra có sai phạm, đơn vị đã giải trình và khắc phục được                                                                                           | 1,5 |  |  |
|    | Có kết luận của thanh tra, kiểm tra có sai phạm, đơn vị đã giải trình và không khắc phục được hoặc chỉ khắc phục được một phần nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 0   |  |  |
| 49 | <b>Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo (Tính trong 12 tháng cho đến thời điểm kiểm tra)</b>                                                                                          |     |  |  |
|    | - Không có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có nhưng đã được giải quyết theo quy định của pháp luật và được kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo không đúng.                             | 2   |  |  |
|    | - Có đơn khiếu nại, tố cáo đang trong quá trình giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng chưa đưa ra kết luận về nội dung khiếu nại tố cáo                                    | 1   |  |  |
|    | - Có Đơn khiếu nại, tố cáo đang trong quá trình giải quyết nhưng bị chậm thời gian theo quy định, và kết luận là có sai phạm nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự   | 0   |  |  |
|    |                                                                                                                                                                                   |     |  |  |

|  |                  |            |  |  |
|--|------------------|------------|--|--|
|  | <b>TỔNG ĐIỂM</b> | <b>100</b> |  |  |
|--|------------------|------------|--|--|

**XẾP LOẠI:**

| <b>Phân loại</b>                           | <i>Xuất sắc</i> | <i>Tốt</i>                     | <i>Khá</i>                  | <i>Trung bình</i>           |
|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>Tổng điểm chấm/<br/>Tổng điểm chuẩn</b> | 95% điểm chuẩn  | Từ 80% đến dưới 95% điểm chuẩn | 70% đến dưới 80% điểm chuẩn | 50% đến dưới 70% điểm chuẩn |

**Ghi chú:**

- Tổng điểm chấm: Do Đoàn công tác đánh giá theo quy định
- Tổng điểm chuẩn: 100

**LÃNH ĐẠO CƠ SỞ GDYK**  
(Ký và ghi rõ họ tên )

**TM.ĐOÀN KIỂM TRA**  
**TRƯỞNG ĐOÀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)